

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BA
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Bản án số: 31/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 21 - 7- 2022

V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BA - TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thanh Loan

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Bích Hương và ông Hà Ngọc Lĩnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu Hậu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh P.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh P tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hà - Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 7 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh P xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 82/2022/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2022 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Thân Thị D, sinh năm 1995.

Địa chỉ: khu B, xã M, huyện T, tỉnh P

Nơi cư trú hiện nay: Thôn T, xã N, huyện Y, tỉnh B.

Bị đơn: Anh Bùi Đăng C, sinh năm 1990.

Địa chỉ: khu B, xã M, huyện T, tỉnh P.

(Chị D, anh C đều có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu bổ sung, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Thân Thị D trình bày:

Chị D và anh Bùi Đăng C kết hôn ngày 05/01/2018 tại UBND xã P (nay là xã M), huyện T, tỉnh P trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị về quê chị D tại xã N, huyện Y, tỉnh B sinh sống. Vợ chồng chung sống khoảng 02 năm đầu hòa thuận sau đó thường xuyên nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng do không hợp nhau, bất đồng quan điểm quan điểm sống dẫn đến thường xuyên xảy ra cãi vã. Kể từ ngày 13/7/2021, vợ chồng đã sống ly thân, anh C đã về nhà bố mẹ đẻ ở tại xã M, huyện T sinh sống, không ai quan tâm đến ai. Đến tháng 3/2022, chị D về nhà anh C thì hai bên xảy ra va chạm căng thẳng phải nhờ đến Công an xã và chính quyền địa phương can thiệp, hòa giải. Nay chị D xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị xin được ly hôn anh C.

Về con chung: Chị D và anh C có 01 con chung là cháu Bùi Đăng H, sinh ngày 21/6/2018. Quá trình tòa án giải quyết vụ việc và tại phiên hòa giải, chị và anh C thỏa thuận nếu ly hôn anh C sẽ trực tiếp nuôi dưỡng cháu H. Sau phiên hòa giải và tại phiên tòa hôm nay, chị D thay đổi quan điểm, xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu H với lý do hiện tại cháu H còn nhỏ. Hơn nữa anh C hiện đang trực tiếp nuôi dưỡng 01 con riêng với vợ trước là cháu Bùi Đăng N, sinh năm 2014.

Về tài sản chung, công nợ chung, công sức: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh Bùi Đăng C trình bày:

Anh C và chị D kết hôn như chị D đã trình bày. Quá trình vợ chồng chung sống hòa thuận đến tháng 7/2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính do vợ chồng bất đồng về sinh hoạt giao tiếp hàng ngày với gia đình và không thống nhất được nơi sinh sống. Kể từ đó anh đã về quê ở T sinh sống, vợ chồng sống ly thân. Nay chị D xin ly hôn anh vẫn giữ quan điểm xin được đoàn tụ vì tình cảm vẫn còn và mong muốn để con cái có đầy đủ cha mẹ. Nếu chị D kiên quyết xin ly hôn thì anh đành chấp nhận.

Về con chung: vợ chồng có 01 con chung là cháu Bùi Đăng H, sinh ngày 21/6/2018. Nếu ly hôn anh xin được trực tiếp nuôi cháu H, không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung, công sức, đất nông nghiệp: anh C xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án của Thẩm phán, thư ký Tòa án và của HĐXX, việc chấp hành pháp luật người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa đã tiến hành đúng thủ tục tố tụng và quy định của Pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

Đề nghị HĐXX áp dụng Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

+ Quan hệ hôn nhân: Đề nghị HĐXX xử cho chị Thân Thị D được ly hôn anh Bùi Đăng C.

+ Về con chung: giao cho chị Thân Thị D trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung là cháu Bùi Đăng H. Anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản (công nợ), công sức: không xem xét giải quyết do các đương sự không yêu cầu

+ Về án phí: Chị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên toà. Trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp xin ly hôn giữa chị Thân Thị D và anh Bùi Đăng C là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Chị D và anh C đều có hộ khẩu thường trú tại xã M, huyện T, tỉnh P nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh P theo quy định tại khoản 1 điều 28, khoản 1 điều 35 và khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

* Về quan hệ hôn nhân, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Chị Thân Thị D và anh Bùi Đăng C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân P (nay là xã M), huyện T, tỉnh P ngày 05/01/2018 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do chị D và anh C có những bất đồng quan điểm sống, vợ chồng mất niềm tin ở nhau, hai bên đều thừa nhận có tình trạng bạo lực gia đình. Qua việc xác minh ý kiến của Chính quyền địa phương cũng như Hội phụ nữ xã M cho biết quá trình chị D và anh C xảy ra mâu thuẫn và xin ly hôn, chính quyền địa phương không nắm rõ nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do anh chị không đề nghị hòa giải ở cơ sở. Hiện nay, chị D không còn sinh sống tại gia đình anh C ở xã M. Thực tế trong khoảng thời gian tháng 3/2022, chị D và anh C có xảy ra tình trạng bạo lực gia đình báo cáo đến Công an và chính quyền địa phương can thiệp hòa giải. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ việc theo quy định pháp luật trên cơ sở bảo vệ quyền lợi hợp pháp của công dân, của phụ nữ và trẻ em.

Chị D và anh C đã có thời gian sống ly thân kể từ tháng 7/2021 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Có thể thấy tình cảm vợ chồng chị D và anh C không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét nên xử cho chị D được ly hôn anh C là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

* Về con chung: Chị D và anh C có 01 con chung là cháu Bùi Đăng H, sinh ngày 21/6/2018. Chị D và anh C đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu H. Xét về điều kiện nuôi con chung thì cả anh C và chị D đều có đủ điều kiện để nuôi con vì anh chị đều là công nhân có nguồn thu nhập hàng tháng ổn định. Tuy nhiên, cháu H còn nhỏ, cần có sự chăm sóc trực tiếp của người mẹ. Hơn nữa, hiện nay anh C đang trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng 01 con riêng với vợ cũ là cháu Bùi Đăng N. Việc anh C một mình trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu nhỏ sẽ gặp khó khăn hơn trong việc chăm sóc cho các cháu trong sinh hoạt hàng ngày. Vì vậy, xét giao cháu Bùi Đăng H cho chị D được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

* Về tài sản chung, công nợ (nghĩa vụ chung về tài sản), công sức: chị D và anh C đều xác định không có, không đề nghị giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[4] Về án phí: chị D có nghĩa vụ phải nộp toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 56, Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Thân Thị D được ly hôn anh Bùi Đăng C.

[2]. Về con chung: Giao cho chị Thân Thị D trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bùi Đăng H, sinh ngày 21/6/2018 kể từ ngày 21/7/2022 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi (thành niên), lao động tự túc được. Anh C không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị Dung.

Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung không ai được cản trở.

[3]. Về án phí: Chị Thân Thị D phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng chẵn) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng chẵn) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003335 ngày 20/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh P. Chị D đã nộp đủ tiền án phí.

Chị D và anh C có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh P xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh, huyện T;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện T
- UBND xã M;
- Lưu HS; VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Hà Thanh Loan